

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026- 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 930/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-BDT ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch, quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

Điều 3. Nguyên tắc và cơ chế phân bổ vốn

1. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các tiêu chí quy định tại Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Ưu tiên phân bổ vốn nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình.

3. Bố trí vốn tập trung; việc phân bổ phải căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của từng dự án, ưu tiên hỗ trợ cho các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy.

4. Thực hiện phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ và phương pháp xác định mức phân bổ cho các xã, phường

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ

Kết quả rà soát, đánh giá hằng năm về tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy được sử dụng để xác định hệ số gốc phân bổ cho các xã, phường theo nguyên tắc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá của năm liền trước năm ngân sách làm căn cứ để xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách.

Hệ số tăng thêm: xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần.

Ngoài ra căn cứ vào quy mô quản lý đối tượng về ma túy (người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện) của các địa bàn để xác định hệ số tăng thêm của từng xã, phường. Cụ thể:

STT	Tiêu chí phân loại địa bàn cấp xã	Hệ số (H)
1	Hệ số gốc (Phân loại theo mức độ phức tạp về ma túy)	H ₁
	- Xã, phường không ma túy	1.0

	- Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III	1.5
	- Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại II	2.0
	- Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại I	3.0
2	Hệ số tăng thêm: Xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần	H₂= hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần
3	Hệ số tăng thêm: Phân loại theo quy mô quản lý đối tượng (người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện)	H₃
	- Quản lý dưới 05 người	0.5
	- Quản lý từ 05 người đến dưới 10 người	1.0
	- Quản lý từ 10 người đến dưới 20 người	2.0
	- Quản lý từ 20 người đến dưới 30 người	3.0
	- Quản lý từ 30 người đến dưới 40 người	4.0
	- Quản lý từ 40 người đến dưới 50 người	5.0
	- Quản lý trên 50 người	6.0

Quy mô quản lý đối tượng về ma túy (người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện) của địa bàn các xã, phường được tính tại thời điểm lấy số liệu xét tiêu chí xã, phường không ma túy của năm trước liền kề (14/12 hằng năm).

2. Phương pháp xác định mức phân bổ cho các xã, phường

a) Tổng điểm (hệ số) phân bổ của một xã, phường (**T1**)

$$\mathbf{T1 = H1 (hoặc H2) + H3}$$

b) Xác định giá trị của một (01) điểm (hệ số) phân bổ:

Giá trị của một (01) điểm (hệ số) phân bổ được xác định theo công thức sau:

$$\mathbf{G = \frac{V_{TP}}{T_{TP}}}$$

Trong đó:

G: Giá trị của một (01) điểm (hệ số) phân bổ (đồng/điểm).

V_{TP}: Tổng vốn ngân sách bố trí để phân bổ cho cấp xã thực hiện Chương trình theo năm.

T_{TP} : Tổng điểm (hệ số) phân bổ cho tất cả các xã, phường trong tỉnh.

c) Mức vốn ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường được xác định theo công thức sau:

$$V_x = T_1 \times G$$

Trong đó:

V_x : Mức vốn ngân sách phân bổ cho xã, phường.

T_1 : Tổng điểm (hệ số) phân bổ của xã, phường.

G : Giá trị của một (01) điểm (hệ số) phân bổ.

Điều 5. Định mức, nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Đối với vốn sự nghiệp

a) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các sở, ngành là cơ quan chủ quản thực hiện các Dự án, Tiểu dự án; đề xuất của các sở, ngành để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, hoạt động của chương trình và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 05 năm và hằng năm được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp cho các sở, ngành để thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy được cấp có thẩm quyền phân công với định mức không vượt quá 40% tổng số vốn của chương trình (riêng Dự án 1, Dự án 8 và Tiểu dự án 1 của Dự án 7 phân bổ 100% vốn cho các sở, ngành); số vốn còn lại phân bổ cho các xã, phường trên nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho các xã, phường theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Căn cứ vào tổng số vốn được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng phương án phân bổ vốn để thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định để triển khai thực hiện.

2. Phân bổ vốn thực hiện các dự án, hạng mục liên quan thuộc Chương trình trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trên địa bàn tỉnh phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 theo Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Hằng năm, ngân sách tỉnh cân đối, bổ sung nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy và hỗ trợ cho các xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; căn cứ vào số vốn thông báo của Trung ương hằng năm để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung